

Số: 1959 /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức đối với một số sản phẩm thép cán nóng có xuất xứ từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và chấm dứt điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm thép cán nóng có xuất xứ từ Cộng hòa Ấn Độ

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 86/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BCT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại

Căn cứ Quyết định số 536/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phòng vệ thương mại;

Căn cứ Quyết định số 1985/QĐ-BCT ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm thép cán nóng có xuất xứ từ Cộng hòa Ấn Độ và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa;

Căn cứ Quyết định số 460/QĐ-BCT ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm thép cán nóng có xuất xứ từ Cộng hòa Ấn Độ và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa;

Căn cứ Quyết định số 1204/QĐ-BCT ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 460/QĐ-BCT ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc áp dụng thuế chống

bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm thép cán nóng có xuất xứ từ Cộng hòa Ấn Độ và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức đối với một số sản phẩm thép cán nóng có xuất xứ từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được phân loại theo các mã HS 7208.25.00, 7208.26.00, 7208.27.19, 7208.27.99, 7208.36.00, 7208.37.00, 7208.38.00, 7208.39.20, 7208.39.40, 7208.39.90, 7208.51.00, 7208.52.00, 7208.53.00, 7208.54.90, 7208.90.90, 7211.14.15, 7211.14.16, 7211.14.19, 7211.19.13, 7211.19.19, 7211.90.12, 7211.90.19, 7225.30.90, 7225.40.90, 7225.99.90, 7226.91.10, 7226.91.90 (mã vụ việc: AD20) với nội dung chi tiết nêu tại Thông báo kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chấm dứt điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá và không áp thuế chống bán phá giá đối với một số sản phẩm thép cán nóng từ Cộng hòa Ấn Độ. Nội dung chi tiết được nêu tại Thông báo kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 7 năm 2025.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại và Thủ trưởng các đơn vị, các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, NG, KHCHN;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Các website: Chính phủ, Bộ Công Thương;
- Cục Hải quan;
- Các Cục: CN, XNK, ĐCK;
- Các Vụ: TTNN, ĐB, PC;
- Văn phòng BCĐLNHNQT về kinh tế;
- Lưu: VT, PVTM (05).

KT. BỘ TRƯỞNG
CÔNG THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Sinh Nhật Tân

THÔNG BÁO

Áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức đối với một số sản phẩm thép cán nóng có xuất xứ từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và chấm dứt điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm thép cán nóng có xuất xứ từ Cộng hòa Ấn Độ

(Kèm theo Quyết định số 1959/QĐ-BCT ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức

Hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá (CBPG) chính thức là sản phẩm thép cán nóng có xuất xứ từ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc) có các đặc tính cơ bản và phân loại theo các mã HS như sau:

a) Đặc tính cơ bản

Hàng hóa là một số sản phẩm sắt hoặc thép hợp kim hoặc không hợp kim được cán phẳng; được cán nóng; độ dày từ 1,2 mm đến 25,4 mm; chiều rộng không quá 1.880 mm; chưa được gia công quá mức cán nóng; đã tẩy gỉ hoặc không tẩy gỉ; không dát phủ, phủ, mạ hoặc tráng; có phủ dầu hoặc không phủ dầu; hàm lượng carbon nhỏ hơn hoặc bằng 0,30% tính theo khối lượng.

b) Mã số hàng hóa (Mã HS)

Sản phẩm thép cán nóng bị áp dụng thuế CBPG chính thức được phân loại theo các mã HS 7208.25.00, 7208.26.00, 7208.27.19, 7208.27.99, 7208.36.00, 7208.37.00, 7208.38.00, 7208.39.20, 7208.39.40, 7208.39.90, 7208.51.00, 7208.52.00, 7208.53.00, 7208.54.90, 7208.90.90, 7211.14.15, 7211.14.16, 7211.14.19, 7211.19.13, 7211.19.19, 7211.90.12, 7211.90.19, 7225.30.90, 7225.40.90, 7225.99.90, 7226.91.10, 7226.91.90.

Bộ Công Thương có thể sửa đổi, bổ sung danh sách các mã HS của hàng hóa bị áp dụng thuế CBPG chính thức để phù hợp với mô tả hàng hóa bị điều tra và các thay đổi khác (nếu có).

c) Các sản phẩm được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng thuế CBPG chính thức:

- Các sản phẩm là thép không gỉ; hoặc
- Các sản phẩm thép cán nóng dạng tấm thuộc một trong các mác thép có tên tại cột 2 và tiêu chuẩn tương ứng tại cột 3 dưới đây:

STT	Mác thép	Tiêu chuẩn
(Cột 1)	(Cột 2)	(Cột 3)
1	ABS A/B/D/E	ABS
2	A131 A/B/D/E	ASTM A131
3	A131 AH36/AH40/DH32/DH36/DH40/EH32/EH36/EH40/ FH32/FH36/FH40	ASTM A131
4	BV AH32/AH36/AH40/DH32/DH36/DH40/EH32/EH36 /EH40/FH36/FH40	BV
5	NV A/B/D/E LR A/B/D/E BV A/B/D/E RINA A/B/D/E GL A/B/D/E	DNV LR BV RINA GL
6	CCS AH32/AH36/AH40/DH32/DH36/DH40/EH32/EH36 /EH40/FH32/FH40	GB 712 -2011
7	CCS A/B/D/E	GB 712 - 2011
8	KR A/B/D/E	KR
9	KR AH36/AH40/DH36/DH40/EH32/EH36/FH32/FH36/ FH40	KR
10	NK KA/KB/KD/KE	NK
11	NV AH32/AH36/AH40/DH32/DH36/DH40/EH32/EH36 /EH40/FH32/FH36/FH40	DNV/NV
12	RS - A/B/D/E	ГОСТ 5521
13	RS AH32/AH36/AH40/EH36/DH32/DH36/DH40/EH32 /EH36/EH40/FH36/FH40	ГОСТ 5521
14	A514 Gr.Q/Gr.F	ASTM A514
15	A517 Gr.Q	ASTM A517
16	A572 Gr.65	ASTM A572

STT	Mác thép	Tiêu chuẩn
(Cột 1)	(Cột 2)	(Cột 3)
17	A709 Gr.50/50W/70/70W	ASTM A709/A709M
18	A913 Gr.70	ASTM A913
19	S355NL/S355NL Z15	EN10025-3:2019
20	S420NL/S420ML	EN 10025-3/4:2019
21	S420NL Z15/Z25/Z35 S420NL (C/D)	EN 10025-3:2019
22	S460NL/ML	EN 10025-3/4:2019
23	S500NL/S550ML	EN 10025-3/4:2019
24	S620QL/S620Q/S690QL	EN 10025-6:2019
25	S690Q/QL/QL1	EN 10025-6:2019
26	NM400	GB/T 24186-2022
27	NM450	GB/T 24186-2022
28	NM500	GB/T 24186-2022
29	510L/700L	GB/T 3273:2015
30	610L	GB/T 3273: 2015
31	Q460QNH	GB/T 1591-2018
32	Q690B/C/D/E	GB/T 1591-2018
33	20CrMo, 16MnCr5, 18CrMo4, 20MnCr5	GB/T 3077
34	SCM415 PO	JIS G4053
35	SCr420	JIS G4053

d) Các sản phẩm miễn trừ áp dụng biện pháp chống bán phá giá

- Các sản phẩm thuộc mác thép BW450, BS700MCK2, AG700 và LG700T.

Trong trường hợp các doanh nghiệp nhập khẩu các sản phẩm nêu trên và chưa được cấp quyết định miễn trừ có thể nộp hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp chống bán phá giá tới Cục Phòng vệ thương mại - Bộ Công Thương theo hướng dẫn cụ thể tại Thông tư số 26/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

2. Kết luận cuối cùng

Kết luận cuối cùng của Cơ quan điều tra xác định rằng:

(i) có tồn tại hành vi bán phá giá của hàng hóa nhập khẩu bị điều tra từ Trung Quốc và Ấn Độ;

(ii) lượng hàng hóa bị điều tra bán phá giá nhập khẩu từ Ấn Độ trong thời kỳ điều tra là không đáng kể (nhỏ hơn 3%) so với tổng lượng nhập khẩu;

(iii) ngành sản xuất trong nước đang chịu thiệt hại đáng kể; và

(iv) có mối quan hệ nhân quả giữa việc nhập khẩu hàng hóa bán phá giá từ Trung Quốc với thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước.

Theo đó, Bộ Công Thương quyết định áp thuế CBPG chính thức đối với một số mặt hàng thép cán nóng từ Trung Quốc và chấm dứt điều tra áp dụng biện pháp CBPG đối với một số sản phẩm thép cán nóng từ Ấn Độ.

3. Mức thuế CBPG chính thức

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế CBPG chính thức
	(Cột 1)	(Cột 2)	(Cột 3)
1	Hebei Anfeng Iron & Steel Group Co., Ltd	- Hangzhou CIEC Group Co., Ltd - Hangzhou CIEC Hanjia Trading Co.,Ltd. - Zhe Jiang Cogeneration Zhongbang Supply Chain Service Co., Ltd. - Hangzhou CIEC Lianfeng Trading Co.,Ltd. - Hainan CIEC Trading Co., Ltd - Hangzhou Cogeneration (Hong Kong) Co., Ltd. - Singapore (Cogeneration) Steel Pte Ltd - Honors Commodity Hong Kong Company Limited - Anfeng Iron and Steel International Trading Co., Ltd - Win Faith Trading Limited	27,83%

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế CBPG chính thức
	(Cột 1)	(Cột 2)	(Cột 3)
2	Inner Mongolia Baotou Steel Union Co., Ltd.	- Baotou Steel International Economic and Trading Co., Ltd. - Baogang Zhan Bo International Trade Limited - Chengdu Baogang Southwest Steel Sales Co., Ltd. - Tianjin Baogang North China Steel Sales Co., Ltd. - Shaanxi Baogang Northwest Steel Sales Co., Ltd. - Qingdao Baogang Central China Steel Sales Co., Ltd.	27,83%
	Rare Earth Steel Plate Co., Ltd.	- Shanghai Gangjia Rare Earth Technology Co., Ltd. - Inner Mongolia Baotou Steel Union Co., Ltd. Spot Sales Center	
3	Hebei Zongheng Group Fengnan Iron & Steel Co., Ltd	- Tangshan Zhicheng Ecommerce Co., Ltd. - Tianjin Binhai Aoyuan International Trade Co., Ltd. - Majestic Rock Resources Group Pte. Ltd. - Hebei Sinogiant Steel Holdings Group Co., Ltd.	27,83%
	Cangzhou Zhongtie Iron & Steel Co., Ltd	- Zhejiang Hongcheng New Energy Co., Ltd. - Xin Lian Ye (Beijing) International Trade Co., Ltd - Sinogiant Steel Holdings Group Limited - Hebei Zhongzhong Cold Rolling Materials Co., Ltd. - Cangzhou Kaineng Transportation Service Co., Ltd - Shanghai Chetong Trading Co., Ltd - Xu Zhou Zhong An Mining Service Co., Ltd - Win Faith Trading Limited	

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế CBPG chính thức
	(Cột 1)	(Cột 2)	(Cột 3)
4	Guangxi Liuzhou Iron and Steel Group Company Limited	- Guangdong Liugang Logistics Trading Co., Ltd. - Guangxi Liuzhou Cenhai Metal Material Co., Ltd.	23,10%
	Liu Zhou Iron and Steel Company Limited	- Guangxi Nanning Liugang Steel Sales Co., Ltd. - Guilin Liugang Steel Sales Co., Ltd.	
	Guangxi Iron and Steel Group Company Limited	- Guangxi Liuzhou Iron & Steel Group Company Limited Guangdong Branch	
5	Shougang Jingtang United Iron & Steel Co., Ltd	- China Shougang International Trade & Engineering Corporation - Shougang Holding Trade (Hong Kong) Limited	27,83%
	Shougang Qian'an Iron & Steel Company	- Wuhan Shougang Steel Trading Co., Ltd - Tianjin Shougang Steel Trade Co., Ltd - Shandong Shougang Steel Trade Co., Ltd - Guangzhou Shougang Steel Trading Co., Ltd - Shanghai Shougang Steel Trade Co., Ltd	
6	Jingye Iron and Steel Co., Ltd	- Jingye International (HK) Company Limited - Power Rich Resources Limited	27,83%
7	Rizhao Baohua New Materials Co., Ltd	- Baohua Steel International Pte. Limited - Win Faith Trading Limited	27,83%
	Rizhao Steel Holding Group Co., Ltd		
8	Maanshan Iron & Steel Co., Ltd	- Maanshan Masteel Cihu Steel Processing And Distribution Co., Ltd. - Maanshan Iron & Steel (Shanghai) Steel Sales Co., Ltd. - Masteel (Hefei) Materials Technology Co., Ltd.	27,83%

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế CBPG chính thức
	(Cột 1)	(Cột 2)	(Cột 3)
		- Masteel (Wuhu) Materials Technology Co., Ltd. - Maanshan Masteel Cihu Steel Processing And Distribution Co., Ltd. Changzhou Branch - Masteel (Yangzhou) Steel Processing Co., Ltd. - Nanjing Masteel Steel Sales Co., Ltd. - Masteel (Hangzhou) Steel Sales Co., Ltd. - Masteel (Wuhan) Materials Technology Co., Ltd. - Masteel (Hefei) Steel Processing Co., Ltd. - Masteel (Hong Kong) Co., Ltd. - Cumic Steel Limited - Dao Fortune (Hong Kong) Co., Limited - Wuchan Zhongda Fortune Link International Co., Ltd - Ningbo Bedrock Singapore Pte Ltd. - Lianfeng International Pte. Ltd - King Metore International Pte. Ltd. - Hangzhou Cogeneration (Hong Kong) Co., Ltd. - Singapore (Cogeneration) Steel Pte Ltd.	
9	HBIS Laoting Iron and Steel Co., Ltd.	- HBIS Company Limited Tangshan Branch - Tangshan Iron and Steel Group Co., Ltd. - Duferco Asia Pte. Ltd.	27,83%
10	Hebei Yanshan Iron and Steel Group Co., Ltd	- Beijing Yanshan Iron & Steel Co., Ltd - Wider Vantage International Limited - Sheng Feng (Hong Kong) Co., Limited - Ye-Steel Trading Co., Limited - Win Faith Trading Limited	26,94%
11	Chongqing Iron And Steel Co., Ltd		27,83%

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế CBPG chính thức
	(Cột 1)	(Cột 2)	(Cột 3)
12	Bengang Steel Plates Co., Ltd	- Benxi Iron And Steel (Group) International Economic and Trading Co., Ltd - Benxi Iron & Steel Hong Kong Limited - Arsen International (HK) Limited - Sharpmax International (Hongkong) Co., Limited - North Hengda Logistics Co., Ltd - Shenyang Bengang Metallurgical Technology Co., Ltd - Tianjin Bengang Steel Trading Co., Ltd - Shanghai Bengang Metallurgical Technology Co., Ltd - Yantai Bengang Steel Sales Co., Ltd - Win Faith Trading Limited	27,83%
13	Xinyu Iron & Steel Co., Ltd.	- G Steel Enterprise Pte. Ltd.	27,83%
14	Angang Steel Company Limited	- Angang Group International Trade Corporation Ltd. - Angang Group Hong Kong Co., Limited - Dalian Woo-Ho Hongkong International Trading Limited - Cumic Steel Limited - Shenyang Angang International Trade Co., Ltd.	27,83%
	Angang Group Chaoyang Iron&Steel Co.,Ltd.	- Shanghai Angang International Trade Co., Ltd. - Guangzhou Ansteel International Trade Co., Ltd - Win Faith Trading Limited	
15	Jiangsu Shagang Steel Co., Ltd	- Jiangsu Shagang International Trade Co., Ltd - Jiangsu Shagang Material Trade Co., Ltd	27,83%

STT	Tên tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu	Tên công ty thương mại liên quan	Mức thuế CBPG chính thức
	(Cột 1)	(Cột 2)	(Cột 3)
	Jiangsu Shagang Group Co., Ltd	- Shagang International (Singapore) Pte. Ltd - Zhangjiagang Free Trade Zone Binpeng Trading Co., Ltd - Win Faith Trading Limited	
16	Baoshan Iron & Steel Co.,Ltd.	- Guangzhou Baosteel Southern Trading Co., Ltd.	27,83%
	Shanghai Meishan Iron & Steel Co.,Ltd.	- Wuhan Baosteel Huazhong Trading Co., Ltd - Shanghai Baosteel Steel Trading Co., Ltd	
	Wuhan Iron & Steel Co.,Ltd.	- Shanghai Baosteel Pudong International Trading Co., Ltd.	
	Baosteel Zhanjiang Iron & Steel Co.,Ltd.	- Shanghai Ouyeel Supply Chain Co., Ltd. - Baosteel Singapore Pte Ltd - Win Faith Trading Limited	
17	Tổ chức, cá nhân khác sản xuất, xuất khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Trung Quốc		27,83%

4. Hiệu lực và thời hạn áp dụng thuế CBPG chính thức

a) Hiệu lực

Thuế CBPG chính thức có hiệu lực từ ngày 06 tháng 7 năm 2025.

b) Thời hạn áp dụng

Thuế CBPG chính thức có thời hạn áp dụng là 05 (năm) năm kể từ ngày có hiệu lực (*trừ trường hợp được gia hạn, thay đổi, hủy bỏ theo Quyết định khác của Bộ trưởng Bộ Công Thương*).

5. Thủ tục, hồ sơ kiểm tra và áp dụng thuế CBPG chính thức

Để có cơ sở xác định hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế CBPG, Cơ quan Hải quan sẽ thực hiện kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa gồm:

a) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O); hoặc

b) Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa phù hợp với quy định tại:

- Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương;
- Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực;
- Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu;
- Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai-len;
- Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN; hoặc
- Hiệp định Thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước I-xra-en.

Nội dung kiểm tra cụ thể như sau:

Bước 1: Kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa

- Trường hợp 1: Nếu người khai hải quan không nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa thì áp dụng mức thuế CBPG chính thức là 27,83%.
- Trường hợp 2: Nếu người khai hải quan nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ nước, vùng lãnh thổ khác không phải là Trung Quốc thì không phải nộp thuế CBPG chính thức.
- Trường hợp 3: Nếu người khai hải quan nộp được chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa từ Trung Quốc thì chuyển sang Bước 2.

Bước 2: Kiểm tra Giấy chứng nhận chất lượng (bản chính) của nhà sản xuất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận nhà sản xuất)

- Trường hợp 1: Nếu (i) người khai hải quan không nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất hoặc (ii) nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất nhưng tên tổ chức, cá nhân trên Giấy chứng nhận không trùng với tên tổ chức, cá nhân nêu tại Cột 1 Mục 3 của Thông báo này thì nộp thuế CBPG chính thức là 27,83%.
- Trường hợp 2: Nếu người khai hải quan nộp được Giấy chứng nhận nhà sản xuất và tên tổ chức, cá nhân trên Giấy chứng nhận trùng với tổ chức, cá nhân nêu tại Cột 1 Mục 3 của Thông báo này thì chuyển sang Bước 3.

Bước 3: Kiểm tra tên tổ chức, cá nhân xuất khẩu

- Trường hợp 1: Nếu tên tổ chức, cá nhân xuất khẩu (dựa trên hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại) trùng với tên tổ chức, cá nhân nêu tại Cột 1 Mục 3 hoặc trùng với tên tổ chức, cá nhân tương ứng theo hàng ngang tại Cột 2 Mục 3 thì nộp mức thuế tương ứng theo hàng ngang tại Cột 3 Mục 3 của Thông báo này.

- Trường hợp 2: Nếu tên tổ chức, cá nhân xuất khẩu (dựa trên hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại) không trùng với tên tổ chức, cá nhân nêu tại Cột 1 Mục 3 và không trùng với tên tổ chức, cá nhân tương ứng theo hàng ngang tại Cột 2 Mục 3 thì nộp thuế CBPG chính thức là 27,83%.

6. Hoàn thuế chống bán phá giá tạm thời

Các tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa không thuộc diện áp thuế CBPG chính thức theo Quyết định này được hoàn lại thuế CBPG tạm thời đã nộp theo Quyết định số 460/QĐ-BCT ngày 21 tháng 2 năm 2025 và Quyết định số 1204/QĐ-BCT ngày 28 tháng 4 năm 2025 theo quy định pháp luật.

7. Trình tự thủ tục tiếp theo của vụ việc

Sau khi Quyết định có hiệu lực, Bộ Công Thương sẽ phối hợp với các cơ quan quản lý có liên quan thực hiện việc kiểm tra, theo dõi, giám sát hiệu quả của việc thực thi Quyết định trên cơ sở thông tin về tình hình nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng áp thuế chống bán phá giá và hàng hóa có khả năng lẫn tránh biện pháp chống bán phá giá do cơ quan hải quan cung cấp căn cứ theo quy định tại Điều 18 của Nghị định số 86/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại./.

